TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **267**/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 23 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 257/2025/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **VTĐ**, sinh năm 1987; CCCD số: 03********11; nơi đăng ký thường trú: 5*/6**/1*/1* H, thị trấn Y, huyện G, thành phố HN.

Bị đơn: Chị **NTH**, sinh năm 1994; CCCD số: 03********74; nơi đăng ký thường trú: 5*/6**/1*/1* H, thị trấn Y, huyện G, thành phố HN.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái Đ đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh VTĐ, sinh năm 1987 và chị NTH, sinh năm 1994.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh VTĐ và chị NTH, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Đ và chị 4 cùng xác định anh chị có 01 con chung là cháu VQC, sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn, anh Đ và chị 4 đã thống nhất thỏa thuận giao cháu C cho chị 4 là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh Đ và chị 4 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0066147 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả anh Đ số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
-UBND xã L, huyện B, tỉnh H (GCNKH số 26/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc